

CHƯƠNG TRÌNH
CỦA BAN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị
về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững
đất nước trong tình hình mới

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới (sau đây viết tắt là Nghị quyết 36-NQ/TW);

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW, cụ thể như sau:

I- TÌNH HÌNH CHUNG

Những năm gần đây, các cấp ủy đảng, chính quyền đã quan tâm triển khai có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, môi trường, y dược¹; chất lượng một số sản phẩm nông nghiệp hàng hoá được cải thiện đáng kể, trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản đã có các sản phẩm sản xuất đảm bảo theo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm; xây dựng được một số thương hiệu sản phẩm có uy tín trên thị trường như: Cam sành, mật ong bạc hà, hồng không hạt, chè shan tuyết, thịt bò vàng... góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Việc ứng dụng khoa học công nghệ sinh học đã dần thay đổi tập quán canh tác, biết áp dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất; sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc thiên nhiên, nguồn gốc sinh học góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng. Tiềm lực khoa học - công nghệ được nâng lên một bước, cơ sở vật chất được tăng cường, cán bộ kỹ thuật được đào tạo đáp ứng cơ bản nhiệm vụ khoa học - công nghệ địa bàn tỉnh trong tình hình mới.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những khó khăn, hạn chế đó là: Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ cho việc nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học còn hạn chế. Đội ngũ cán bộ chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ sinh học còn thiếu và yếu về năng lực, trình độ; công tác

¹ Phục tráng và bảo tồn nhiều giống lúa, ngô địa phương; chọn, tạo thế hệ cây cam sành sạch bệnh; bảo tồn nguồn gen dược liệu bản địa và phát triển các loài dược liệu quý hiếm, đặc hữu, gồm: 08 giống dược liệu quý: Ba kích tím, Giáo cô lam 5 lá và 7 lá, Đinh lăng, Đan sâm, Tục đoạn, Bình vôi, Hà thủ ô đỏ, Kim ngân; một số sản phẩm có giá trị như: Nấm đông trùng hạ thảo được sản xuất thành hàng hóa tại Hà Giang, tinh dầu thảo quả, tinh dầu hồi, cao trà ...

Sinh sản nhân tạo giống cá Lăng chấm, cá Chiên; thụ tinh nhân tạo trâu lai; nhân giống và bảo tồn nguồn gen gà Lông xù, lợn đen Lũng Pù... Đặc biệt, việc ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào sản xuất giống cây có ưu thế; làm chủ được công nghệ nhân giống bò bảo đảm chất lượng tốt.

thông tin tuyên truyền về công nghệ sinh học chưa nhiều, chưa phổ biến rộng rãi và thường xuyên; việc phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học chưa có bước đột phá mạnh, còn thụ động, manh mún, chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh và chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong tình hình mới.

Nguyên nhân, cơ sở hạ tầng, giao thông còn khó khăn, trình độ dân trí không đồng đều, tập quán canh tác còn lạc hậu; tiềm lực khoa học - công nghệ của tỉnh dành cho ứng dụng công nghệ sinh học còn thấp; chưa khuyến khích mạnh các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tích cực tham gia vào công tác nghiên cứu và chuyển giao các tiến bộ ứng dụng công nghệ sinh học; việc thu hút các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước còn gặp nhiều khó khăn.

II- QUAN ĐIỂM

1. Nhất quán quan điểm của Nghị quyết số 36-NQ/TW, lấy phát triển công nghệ sinh học là động lực quan trọng để thực hiện quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống nhân dân.

2. Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phải khai thác và phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của địa phương. Từng bước đầu tư phát triển một số lĩnh vực có trọng tâm, trọng điểm phù với ưu thế về đa dạng sinh học của tỉnh.

3. Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống, coi đây là giải pháp ưu tiên trong phát triển kinh tế - xã hội; lấy doanh nghiệp là chủ thể, có cơ chế, chính sách đặc thù tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân đầu tư phát triển công nghiệp sinh học.

III- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Hà Giang phấn đấu hình thành được nền công nghệ sinh học phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, phát triển ổn định, có trung tâm sản xuất và dịch vụ ứng dụng công nghệ sinh học. Xây dựng ngành công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật có đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2030

- Hình thành được nền công nghệ sinh học phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, phát triển ổn định trong các lĩnh vực: Nông nghiệp; công nghiệp; y tế; bảo vệ môi trường... góp phần phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

- Cơ bản đáp ứng yêu cầu về nguồn lực cho mục tiêu phát triển công nghệ sinh học; hình thành được nhóm cán bộ khoa học và công nghệ có chuyên môn sâu về công nghệ sinh học, hoàn thành việc đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các Trung tâm khoa học kỹ thuật của tỉnh; hằng năm ưu tiên bố trí tối

thiếu 0,1% tổng chi ngân sách nhà nước cho nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

- Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống; hoàn thiện cơ chế chính sách thu hút đầu tư, huy động nguồn lực xã hội cho nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, phấn đấu hình thành được ít nhất 05 doanh nghiệp công nghệ sinh học có phạm vi, quy mô đủ lớn, có đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tầm nhìn đến năm 2045

Hà Giang là tỉnh có nền công nghệ sinh học phát triển khá, trung tâm sản xuất và dịch vụ thông minh; khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo về công nghệ sinh học thuộc nhóm khá trong khu vực Trung du miền núi phía Bắc, trung bình khá của cả nước.

IV- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Thống nhất nhận thức về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong tình hình mới

Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị xã hội nghiên cứu, quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Đẩy mạnh triển khai có hiệu quả hoạt động truyền thông, giáo dục, vận động với nội dung, hình thức và cách tiếp cận phù hợp với từng vùng, từng địa phương, từng nhóm đối tượng nhằm nâng cao nhận thức trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp về tầm quan trọng của phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống nhân dân.

Cụ thể hóa nội dung, nhiệm vụ phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học vào trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành, lĩnh vực phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị.

Các cơ quan truyền thông, báo chí đóng chân trên địa bàn tỉnh chú trọng giới thiệu thành tựu công nghệ sinh học; chủ động tuyên truyền các tập thể, cá nhân điển hình trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Kịp thời phát hiện, biểu dương, khen thưởng địa phương, đơn vị, cá nhân điển hình trong việc thực hiện hiệu quả công tác phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh.

2. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

Rà soát, bổ sung nhiệm vụ phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học vào các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, ngành, lĩnh vực. Tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho việc thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học; tham gia

các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học cấp tỉnh, cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang theo cơ chế liên kết, gắn bó giữa các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong chuỗi giá trị hàng hóa.

Nghiên cứu xây dựng chính sách đặc thù của tỉnh về hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có hoạt động đào tạo, nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học, sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học có giá trị cao trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, y dược, quốc phòng, an ninh.

3. Tập trung phát triển, ứng dụng hiệu quả công nghệ sinh học trong sản xuất và đời sống

3.1. Về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn: Chú trọng bảo tồn và phát triển các nguồn gen quý bản địa của địa phương; nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học để phục tráng, chọn tạo nhân nhanh các giống cây trồng vật nuôi có giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, nông hóa của từng vùng, địa phương; hình thành các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn để thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản theo hướng ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ góp phần xây dựng nền nông nghiệp thông minh, an toàn, hiệu quả.

3.2. Về lĩnh vực công nghiệp: Ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ công nghiệp chế biến; sản xuất và sử dụng năng lượng mới, năng lượng sạch, có khả năng tái tạo, thân thiện với môi trường; chế biến các sản phẩm nông nghiệp từ nguồn nguyên liệu của địa phương, tạo chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm bền vững; nâng cao giá trị và thương hiệu các sản phẩm đã được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, các sản phẩm OCOP của tỉnh.

3.3. Về lĩnh vực y dược: Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo tồn và phát huy giá trị các bài thuốc dân gian, gia truyền đặc sắc của đồng bào dân tộc thiểu số; phát huy tiềm năng thế mạnh của tỉnh về đa dạng nguồn dược liệu, từng bước hình thành vùng nguyên liệu để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu, sản xuất thuốc sinh học, thực phẩm chức năng có nguồn gốc từ thảo dược.

3.4. Về bảo vệ môi trường: Ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý rác thải từ sinh hoạt, sản xuất và rác thải y tế; sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên góp phần xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; sản xuất nguyên liệu, vật liệu sinh học thân thiện môi trường.

4. Xây dựng nguồn nhân lực công nghệ sinh học, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

Nghiên cứu tích hợp mô hình đào tạo nhân lực công nghệ sinh học trong các trường Trung học phổ thông, Trường Cao đẳng Kỹ thuật và Công nghệ tỉnh và phân hiệu Đại học Thái nguyên tại Hà Giang. Tăng cường quan hệ hợp tác về đào tạo và nghiên cứu khoa học giữa các doanh nghiệp với các tổ chức khoa học và công nghệ trong và ngoài tỉnh để tiếp nhận các kết quả nghiên cứu về công nghệ sinh học, có giá trị sử dụng lớn trong sản xuất và đời sống, gắn nghiên cứu khoa

học với đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công nghệ sinh học đáp ứng yêu cầu.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, ưu tiên bố trí kinh phí đầu tư tăng cường tiềm lực khoa học cho các đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo năng lực nghiên cứu, kiểm định, kiểm nghiệm, phân tích, thí nghiệm, thử nghiệm, quan trắc... đáp ứng yêu cầu xây dựng nền công nghệ sinh học của tỉnh.

Hỗ trợ, phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học - công nghệ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học. Ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã nâng cao năng lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ, thiết bị sản xuất và phát triển thương hiệu sản phẩm công nghệ sinh học có giá trị cao.

Tạo lập môi trường thuận lợi cho hình thành và phát triển ngành công nghiệp sinh học dựa trên lợi thế của tỉnh về đa dạng sinh học, quy hoạch, phát triển vùng nguyên liệu có thế mạnh của địa phương phục vụ cho sản xuất các sản phẩm công nghiệp sinh học. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh, khuyến khích liên kết ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống giữa người dân, doanh nghiệp với các cá nhân, tổ chức nghiên cứu khoa học góp phần phát triển các doanh nghiệp công nghiệp sinh học có phạm vi, quy mô đủ lớn, có đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội.

5. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công nghệ sinh học

Tăng cường hợp tác quốc tế về công nghệ sinh học. Có chính sách mua, chuyển giao công nghệ sinh học tiên tiến; thu hút các nhà đầu tư nước ngoài sản xuất sản phẩm công nghệ vào các khu công nghiệp của tỉnh. Tăng cường vận động, thu hút nguồn viện trợ của các tổ chức quốc tế đầu tư cho phát triển công nghệ sinh học, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp, môi trường, chăm sóc sức khỏe nhân dân và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền nội dung Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động này; chỉ đạo xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh tăng cường giám sát hoạt động phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách liên quan đến phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để thực hiện.

4. Mặt trận Tổ Quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, hướng dẫn, vận động nhân dân triển khai thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động này; phát huy vai trò phản biện xã hội, tham gia xây dựng cơ chế, chính sách về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

5. Giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì phối hợp với các ban xây dựng đảng Tỉnh ủy, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, quán triệt tổ chức thực hiện Nghị quyết và Chương trình của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Định kỳ báo cáo kết quả, sơ kết, tổng kết với Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (báo cáo),
- Ban cán sự đảng Chính phủ (báo cáo),
- Các ban đảng Trung ương (báo cáo)
- Văn phòng Trung ương Đảng (báo cáo),
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các ban xây dựng đảng Tỉnh ủy,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.



Thào Hồng Sơn